TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:54/2023/DS-ST
Ngày:08/5/2023
V/v trA chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc: "TrA chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐST–DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số X, khu phố H, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp là ông Lê Thế A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số X đường N13, khu dân cư P, tổ 3, khu phố 7, phường PH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2021) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Đình L; sinh năm 1983; Địa chỉ: Số X đường L, tổ 95, khu phố 8, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh T và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thế A trình bày:*

Ông Lê Minh T và ông Trương Đình L là chỗ quen biết với nhau. Ngày 25/4/2015, ông T có cho ông Trương Đình L vay số tiền 600.000.000 đồng, khi

thỏa thuận vay thì ông L hẹn đến ngày 25/6/2015 sẽ thA toán tiền vay cho ông T. Sau đó, mặc dù ông L chưa thA toán tiền gốc đã vay trước đó nhưng vì bạn bè tin tưởng nên ngày 09/9/2015 ông T tiếp tục cho ông L vay số tiền 850.000.000đồng. Ông L cam kết đến ngày 13/9/2015 sẽ hoàn trả đủ số tiền vay cho ông T. Đến ngày 06/10/2015, ông L tiếp tục vay số tiền 750.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/10/2015 sẽ thA toán số tiền vay. Quá trình vay mượn ông Trương Đình L chưa thA toán tiền gốc, tiền lãi cho ông T lần nào. Theo như ông T cho biết thì do hai bên là chỗ quen biết trước đó nên khi ông L cần tiền để kinh doA thì ông T cho ông L vay tiền nhiều lần theo các giấy nợ đã cung cấp cho Tòa án. Thời điểm ông T cho ông L mượn tiền thì ông L đang làm việc tại Ngân hàng nên ông T tin tưởng cho ông L mượn tiền nhiều lần và không có thế chấp tài sản gì. Đến hạn thA toán theo giấy nợ thì Cho ông T tìm địa chỉ nhà của ông L thì nhà đóng cửa, không liên hệ được ông L nên ông T khởi kiện yêu cầu ông L thA toán tiền gốc đã vay 2.200..000.000 đồng, về lãi suất ông T yêu cầu ông L có trách nhiệm thA toán tiền lãi đối với từng số tiền vay cụ thể như sau:

- Số tiền vay gốc 600.000.000đồng, tính lãi từ tháng 7/2015 đến tháng 4/2023 là 418,500,000đồng;

- Số tiền vay gốc 850.000.000đồng, tính lãi từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2023 là 573,750,000đồng;

- Số tiền vay gốc 750.000.000đồng, tính lãi từ tháng 11/2015 đến tháng 4/2023 là 500.625.000đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 1.492.875.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 27/4/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thế A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn ông Trương Đình L*:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương Đình L nhưng ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để chấp nhận hay phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T. Căn cứ vào biên bản xác minh tại Công an phường Phú Thọ xác định ông Trương Đình L còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay đã bán nhà đi đâu không thông báo địa phương biết. Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong 3 số báo, đài liên tiếp để ông Trương Đình L tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trA chấp hợp đồng tài sản số tiền gốc 2.200.000.000đồng và tiền lãi 1.492.875.000đ của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trA L tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trương Đình L có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại 1183/14 đường Lê Hồng Phong, tổ 95, khu phố 8, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật: Ông Lê Minh T và ông Trương Đình L xác lập giao dịch vay mượn tài sản là tiền. Theo các giấy vay tiền thì thời hạn thA toán cuối cùng của các khoản vay là ngày 10/10/2015, tuy nhiên đến ngày 09/12/2021 ông Lê Minh T có đơn khởi kiện ông Trương Đình L để yêu cầu ông L hoàn trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi từ thời gian vi phạm thỏa thuận thA toán. Đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc". Quá trình giải quyết vụ án không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu do đó có căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định và quan hệ pháp luật là trA chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ ông L đăng ký hộ khẩu thường trú. Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2023, Công an phường Phú Thọ xác định hiện nay ông L vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa 1183/14 đường Lê Hồng Phong, tổ 95, khu phố 8, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương không thông báo nơi ở mới. Tòa án cũng đã tiến hành đăng thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, thời gian tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 180 bộ luật tố tụng dân sự trên báo đài trong 3 số liên tiếp nhưng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, ông L vẫn không đến Tòa án để làm việc, trình bày ý kiến

hay phản đối yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung: Xét nội dung giấy vay tiền ngày 25/4/2015, ngày 09/9/2015 và ngày 06/10/2015 được bị đơn ông Trương Đình L viết và ký tên thể hiện nội dung: Ông T có cho ông L vay tổng số tiền mặt là 2.200.000.000 đồng, về lãi suất không thỏa thuận. Về thời hạn thA toán thì giấy vay tiền ngày 25/4/2015 thời hạn thA toán là ngày 25/6/2015; giấy vay tiền ngày 09/9/2015 thời hạn thA toán là ngày 13/9/2015; giấy vay tiền ngày 06/10/2015 thời hạn thA toán là ngày 10/10/2015. Đến hạn thA toán ông T yêu cầu thì L không thA toán và trốn tránh giải quyết nợ nên ông T tiến hành khởi kiện ông L. Nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ ông L đăng ký hộ khẩu thường trú, tại biên bản xác minh ngày 27/3/2023, Công an phường Phú Thọ xác định hiện nay ông L vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa 1183/14 đường Lê Hồng Phong, tổ 95, khu phố 8, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 25/4/2015, ngày 09/9/2015 và ngày 06/10/2015 để yêu cầu ông Trương Đình L hoàn trả số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng. Bị đơn ông L đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án. Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện trA chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn ông Lê Minh T đối với bị đơn ông Trương Đình L. Xét, lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn ông Lê Minh T đối với bị đơn ông Trương Đình L: Theo các giấy vay tiền thì giữa ông Lê Minh T và ông Trương Đình L không thỏa thuận mức lãi suất, do đó có căn cứ xác định trong trường hợp này ông T cho ông L vay tiền không lãi suất theo quy định tại điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông T có quyền yêu cầu ông L trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm. Tuy nhiên theo yêu cầu khởi kiện thì ông T chỉ yêu cầu ông L trả lãi suất với mức 9%/năm, đây là ý chí tự nguyện của ông T và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do trong các giấy nợ đều thể hiện ngày ông L hẹn thA toán, do đó thời hạn trả lãi được tính kế tiếp ngày ông L vi phạm thời hạn thA toán.

- Giấy vay tiền ngày 25/4/2015 với số tiền vay 600.000.000đồng, thời hạn thA toán là 25/6/2015. Ông T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 30/7/2015 đến ngày 30/4/2023 với số tiền lãi là 600.000.000đ x 9%/năm : 12 x 93 tháng = 418.500.000đồng;

- Giấy vay tiền ngày 09/9/2015 với số tiền gốc 850.000.000đồng, thời hạn thA toán là 13/9/2015.Ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2015 đến ngày 30/4/2023 là 850.000.000đ x 9%/năm : 12 x 90 tháng = 573.750.000đồng;

- Giấy vay tiền ngày 06/10/2015 với số tiền gốc 750.000.000đồng, thời hạn thA toán là ngày 10/10/2015. Ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 30/11/2015 đến ngày 30/4/2023 là 750.000.000đ x 9%/năm : 12 x 89 tháng = 500.625.000đồng.

Tổng cộng số tiền gốc, lãi ông Trương Đình L có trách nhiệm thA toán cho ông Lê Minh T là 3.692.875.000đ.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Minh T tự nguyện chịu 3.000.000đ, ông T đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn ông Lê MinhT không phải chịu án phí. Bị đơn ông Trương Đình L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật của số tiền 3.692.875.000đ tương đương án phí là 105.857.500 đ.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 166, Điều 429, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điều 180, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T đối với bị đơn ông Trương Đình L về việc trA chấp hợp đồng vay tài sản.

Ông Trương Đình L có nghĩa vụ thA toán cho ông Lê Minh T số tiền 3.692.875.000đ (Ba tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 2.200.000.000đ (hai tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 1.492.875.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Minh T tự nguyện chịu 3.000.000đồng, ông T đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Đình L phải chịu 105.857.500đ (Một trăm lẻ năm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho ông Lê Minh T số tiền 50.288.750đ (Năm mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000982 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương